TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **127**/2026/DS-ST
Ngày: 17-8-2026
"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Đông

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thuý Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1982 (có mặt);

2. Bị đơn: - Bà Nguyễn Kim G, sinh năm 1966 (vắng mặt);

- Ông Lê Văn S, năm 1968 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: A Chợ, xã A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị có tham gia góp 02 dây hụi do bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn N, cư trú ấp A Chợ A, xã A, tỉnh An Giang làm chủ, trong quá trình bà Nguyễn Kim G làm chủ hụi thì ông Lê Văn N là người trực tiếp tham gia góp hụi như sau: Dây thứ nhất: Mở ngày 20 tháng 6 năm 2023, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 27 phần, hụi có lãi, có hoa hồng, chị tham gia góp 01 phần, góp hụi sống đến mãn, nhưng hiện nay bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn N không giao tiền hụi được lĩnh cho chị với số tiền là 52.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.500.000 đồng, bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn N phải trả cho chị theo hụi được lĩnh là 50.500.000 đồng. Dây hụi thứ 2: Mở ngày 25 tháng 4 năm 2024, loại hụi 5.000.000 đồng áp gồm có 26 phần, chị tham gióp 01 phần, chị góp hụi sống được 18 lần tuyên bố bể hụi, còn lại 08 lần bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn N tuyên bố bể hụi và kêu bốc thăm từ số 1 đến số 8, ai bốc được số nào thì lĩnh theo thứ tự số 6, nhưng bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn N không giao tiền cho đến nay, theo như hụi được lĩnh là 90.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn N phải trả cho chị theo hụi được lĩnh là 87.500.000 đồng. Tổng số tiền hụi còn nợ là 138.000.000 đồng (50.500.000 đồng + 87.500.000 đồng). Nay chị yêu cầu bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn N trả cho chị tổng số tiền hụi còn nợ là 138.000.000 đồng (50.500.000 đồng + 87.500.000 đồng), chị không yêu cầu bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn N trả tiền lãi, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

* *Bị đơn bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn S1* khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn B và ấn định thời gian để ông bà có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn T1 tiền hụi còn nợ, nhưng bà Nguyễn Kim G và ông Lê V không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Nguyễn Thị T (Bản sao); 02 danh sách tham gia góp hụi các ngày 20 tháng 6 năm 2023 và ngày 25 tháng 4 năm 2024 (Bản phô tô); Đơn yêu cầu ngày 08 tháng 12 năm 2025 của chị Nguyễn Thị T (Bản chính); Phiếu thực hiện hòa giải ở cơ sở ngày 10 tháng 01 năm 2026 của ấp A Chợ, xã A, tỉnh An Giang (Bản chính); Đề nghị ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tổ T2 hòa giải (Bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng nơi cư trú của người bị kiện ngày 12 tháng 01 năm 2026 của chị Nguyễn Thị T (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn P trả cho chị số tiền hụi chết còn nợ là tổng số tiền 02 dây hụi còn nợ là 138.000.000 đồng (50.500.000 đồng + 87.500.000 đồng), ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn vắng M đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn vắng M đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn T1 số tiền hụi còn nợ 138.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn T1 tiền hụi còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn điều cư trú tại: ấp A Chợ, xã A, tỉnh An Giang nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn B và ấn định thời gian để ông bà có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn T1 tiền hụi còn nợ, nhưng bà Nguyễn Kim G và ông Lê V không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn vắng M đến lần thứ hai không

có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tụng dân sự, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Kim G và ông Lê V nhưng bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn V1 cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị T không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn T3 quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tụng dân sự.

[3] Xét về hợp đồng góp hụi giữa chị Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn xác L vào các ngày 20 tháng 6 năm 2023 và ngày 25 tháng 4 năm 2024 bằng lời nói, không thỏa thuận bằng văn bản, không công chứng, chứng thực sổ hụi, ngày tháng năm sinh; quyền và nghĩa vụ của chủ họ là thực hiện chưa đúng hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 14 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, phường. Nay xảy ra tranh chấp, yêu cầu giải quyết, được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, phường.

Xét khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn T1 số tiền hụi còn nợ là tổng số tiền 02 dây hụi còn nợ là 138.000.000 đồng (50.500.000 đồng + 87.500.000 đồng); bị đơn bà Nguyễn Kim G, ông Lê V không có ý kiến yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua trình bày và yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: 02 Danh sách hụi ngày 20 tháng 6 năm 2023 và ngày 25 tháng 4 năm 2024, Phiếu thực hiện hòa giải ở cơ sở ngày 10 tháng 01 năm 2026 của ấp 10 Chợ, xã A, tỉnh An Giang, thì bà Nguyễn Kim G thừa nhận bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn C nợ chị Nguyễn Thị T tổng số tiền hụi là 144.000.000 đồng, bà Nguyễn Kim G hẹn đến tháng 02 có bao nhiêu thì trả cho chị Nguyễn Thị T bấy nhiêu là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa nhận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tụng dân sự, nhưng bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn K trả đúng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền hụi theo quy định Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, phường.

Ngoài ra cũng xác định được, bà Nguyễn Kim G tổ chức góp hụi từ ngày 20 tháng 6 năm 2023 nhưng ông Lê Văn C1 sống với bà Nguyễn Kim G không

có ý kiến gì; chị Nguyễn Thị T yêu cầu ông Lê Văn C2 liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền hụi còn nợ chị Nguyễn Thị T là phù hợp theo quy định tại Điều 27, Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật nhân và gia đình quy định: *"vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30....; V2, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này; vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong trường hợp vợ chồng không có tài sản chung hoặc tài sản chung không đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ, chồng có nghĩa vụ đóng góp tài sản riêng theo khả năng kinh tế của mỗi bên. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình".*

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn T1 số tiền hụi sau khi trừ lại số tiền hoa hồng của 02 dây hụi, số tiền hụi được lĩnh là 138.000.000 đồng; bà Nguyễn Kim G và ông Lê V không có ý kiến yêu cầu gì khác, đồng thời bà Nguyễn Kim G và ông Lê V cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì đã trả tiền hụi nêu trên cho chị Nguyễn Thị T. Do đó, buộc bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn P có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền hụi còn nợ là 138.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn T1 tiền lãi chậm trả nên không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, buộc bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn P có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền hụi còn nợ là 138.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật sự, Điều 18 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, phường.

[4] Vềán phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật sự; Điều 7, Điều 8, Điều 14, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, buộc bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn P trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền hụi còn nợ là 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án chị Nguyễn Thị T nếu người phải thi hành án bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn K thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn C phải trả cho người được thi hành án chị Nguyễn Thị T một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Kim G và ông Lê Văn P chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.900.000 đồng (138.000.000 đồng x 5%).

Chị Nguyễn Thị T không phải chị án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.600.000 đồng theo biên lai thu số: 305895 (Ký hiệu: BLTU/26) ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 17 tháng 8 năm 2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo